

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ANI NĂM 2025
(Ngày 05 tháng 04 năm 2025)

Stt	Nội dung chương trình	Thời gian	Thực hiện
1	- Đón đại biểu, đăng ký cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu; phát phiếu biểu quyết, tài liệu Đại hội và ổn định tổ chức.	07h45 - 08h30	Ban tổ chức
2	Biên bản kiểm tra các điều kiện tổ chức đại hội	08h30 - 08h40	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
3	Tuyên bố khai mạc và giới thiệu đại biểu	08h40 - 08h45	Ban tổ chức
4	Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội	08h40 - 08h50	Ban tổ chức
5	Chủ tọa cử ban thư ký và thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội	08h50 - 09h00	Đoàn Chủ tịch
6	Đoàn chủ tịch trình các nội dung để Đại hội thảo luận, thông qua: 6.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 6.2 Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 6.3 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 6.4 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 6.5 Mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 6.6 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 6.7 Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư năm 2025 6.8 Tờ trình về Phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ 6.9 Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội	09h00 - 10h00	Đoàn Chủ tịch
7	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội	10h00 - 10h20	Đoàn Chủ tịch
8	Bầu ban kiểm phiếu	10h20- 10h30	Đoàn Chủ tịch
9	Kiểm phiếu và công bố kết quả các vấn đề thông qua tại Đại hội	10h30- 11h00	Ban kiểm phiếu
10	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	11h00 - 11h15	Ban thư ký
11	Bế mạc Đại hội	11h15 - 11h30	Ban tổ chức

Tp.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2025

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ANI

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần ANI (Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần theo danh sách cổ đông tại Sổ cổ đông Công ty hoặc những người được uỷ quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu.
- Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

b. Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Phiếu biểu quyết (ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).

c. Cổ đông có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người nhận uỷ quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

d. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.

e. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

f. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng Phiếu biểu quyết.

g. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) là Chủ tọa và là người chủ trì Đại hội.

5.2. Chủ tọa đề cử Đoàn Chủ tịch để Đại hội thông qua. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Chủ tọa đề cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông để Đại hội thông qua. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách tại Sổ cổ đông Công ty; Phát các tài liệu, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn chủ tịch.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Thông qua Quy chế bầu cử.

b. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu.

c. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.

d. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.

e. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tại sổ cổ đông Công ty cổ phần ANI.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.

10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.

10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT theo số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT trong đó ghi: Mã Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

PHIẾU BIỂU QUYẾT: Dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- b. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch đại hội; thành phần Ban Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu;
- c. Thông qua Chương trình Đại hội;
- d. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2025;
- e. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;
- f. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2024;
- g. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;
- h. Thông qua quyết toán thù lao năm 2024 và dự toán thù lao năm 2025 của thành viên HĐQT và thành viên BKS (nếu có);
- i. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;
- j. Thông qua công tác nhân sự của HĐQT, BKS Công ty (nếu có);
- k. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- l. Thông qua tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

12.1. Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

12.2. Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

13.2. Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại Công ty.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Đặng Tất Thành

Số: 01/2025/BC-HĐQT
“V/v: Báo cáo hoạt động
năm 2024 và Phương hướng
hoạt động năm 2025”

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN ANI

Kính thư: Quý cổ đông

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần ANI với vai trò quản lý, giám sát và chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo hoạt động quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

Trên cơ sở Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua; HĐQT đã thực hiện quản lý, xây dựng các chiến lược kinh doanh và giám sát các công tác điều hành của Ban giám đốc. Các kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2024 cụ thể như sau:

I. Về công tác quản lý, tổ chức thực hiện KH SXKD năm 2024

- Đầu năm Hội đồng quản trị tổ chức họp cùng với Ban giám đốc phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2024, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên chỉ đạo Ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai.
- Trong năm qua, HĐQT tổ chức họp 14 lần xem xét một số đề xuất do Giám đốc điều hành trình để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ, đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem xét thống nhất thông qua 14 nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD và đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh
- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở kế hoạch SXKD và đầu tư đã được HĐQT phê duyệt, Giám đốc điều hành chủ động tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu đạt được trong năm 2024:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ
1	Doanh thu, thu nhập khác	178,558	156,271	88%	549,539	586,502	106%
1.1	Kinh doanh điện thương phẩm	0	0	0	512,453	515,921	
1.2	Cung cấp dịch vụ và khác	24,007	25,910		34,272	33,467	
1.3	Hoạt động tài chính	154,551	130,361		2,814	37,114	
2	Lợi nhuận sau thuế	123,759	87,804	71%	178,542	204,577	112%
3	Cổ tức dự kiến	10%	5%	50%			

- Tại Công ty mẹ: Năm 2024 Công ty mẹ không đạt kế hoạch năm 2024 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024, nguyên nhân là do doanh thu hoạt động tài chính không đạt kế hoạch đề ra dẫn đến lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Mặt khác, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông từ tháng 07/2024, nên năm 2024 không nhận được cổ tức so với kế hoạch.

- Tại báo cáo hợp nhất: Doanh thu và Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư và công tác khác:

- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông với giá trị chuyển nhượng phần vốn góp là 174,097 tỷ đồng vào tháng 07/2024.

- Hoàn tất nhận chuyển nhượng dự án nhà máy thủy điện Pleikeo vào tháng 12/2024 với giá trị là 387,2 tỷ đồng, nhà máy đã đi vào vận hành ổn định và mang lại doanh thu từ tháng 10/2024.

- Công ty cổ phần Năng lượng Đồng Nai đã được UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Dự án Thủy điện Phú Tân 1.

3. Những vấn đề còn tồn tại:

- Việc phát hành cổ phần tăng vốn tại Mục 6 Điều 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2024, cổ đông đã thực hiện xong việc góp vốn theo các đợt phát hành. Công ty chưa thực hiện điều chỉnh được việc đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp theo vốn mới, do Công ty có cổ đông nước ngoài (cổ đông nước ngoài hiện hữu khi Công ty còn niêm yết trên HNX), quy định tại khoản đ Mục 1 Điều 58 Nghị định 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Dự án Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: Chưa hoàn thiện pháp lý như kế hoạch đề ra.

- Dự án chung cư Osimi Tower: Chưa xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất tại Dự án Sông Đà IDC. Chưa hoàn tất nghĩa vụ của Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho Khách hàng

- Dự án chung cư Phú Mỹ: chưa hoàn tất việc cấp GCN QSHN cho các cá nhân, tổ chức nước ngoài.

- Dự án Khu dân cư Hiệp Bình Chánh tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: Chưa giải quyết dứt điểm với đơn vị liên kết (Công ty K&N) để cấp sổ đỏ cho 128 hộ dân.

II. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Chương trình hoạt động năm 2025

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2025 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua.

- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn.

- Thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, phối hợp cùng các cổ đông khác thực hiện quyền của mình theo pháp luật và theo tỷ lệ góp vốn trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty.

- Duy trì hệ thống quản lý và cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo công tác kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch

2. Định hướng, kế hoạch SXKD năm 2025

Tiếp tục với mục tiêu trở thành công ty đầu tư, trong đó tập trung các nguồn lực đối với các Dự án thuộc lĩnh vực cốt lõi; Đảm bảo triển khai đúng tiến độ các dự án và kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty để luôn bảo đảm hiệu quả đầu tư tối đa của cổ đông công ty; Xây dựng thương hiệu mới bằng uy tín với các đối tác cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng.

Xây dựng mô hình phát triển Công ty nhằm tối ưu lợi ích cho cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước, đối tác, người lao động và cộng đồng xã hội.

2.1. Về công tác kinh doanh: Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư năm 2025:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tr đồng	171.710	601,714
1.1	<i>Kinh doanh điện thương phẩm</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>0</i>	<i>557,995</i>
1.2	<i>Cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>11.235</i>	<i>31,099</i>
1.3	<i>Hoạt động tài chính</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>160.475</i>	<i>12,620</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	144.644	193.672
2.1	<i>Kinh doanh điện thương phẩm</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>0</i>	<i>187.164</i>
2.2	<i>Cung cấp dịch vụ cho thuê VP</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>1.977</i>	<i>1.977</i>
2.3	<i>Kinh doanh đá</i>	<i>Tr đồng</i>		<i>4.531</i>
2.3	<i>Hoạt động tài chính</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>142.667</i>	<i>0</i>
3	Cổ tức	%	10	

- Nhà máy thủy điện Phú Tân 2 (Định Quán, Đồng Nai) và Nhà máy Thủy điện Pleikeo (Gia Lai) đã đi vào vận hành ổn định, đạt hiệu quả cao.
- Dự án điện mặt trời áp nhà tại Định Quán, Đồng Nai vận hành ổn định.
- Về phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức: Dự kiến sẽ chi trả cổ tức 10% từ lợi nhuận lũy kế sau thuế, mức chi trả chính thức sẽ do ĐHCĐ thường niên 2026 quyết định

2.2. Về phát triển Dự án và đầu tư:

- Tìm kiếm các Dự án phát triển liên quan đến năng lượng sạch, năng lượng tái tạo nhằm tạo dựng tương lai phát triển bền vững cho Công ty.
- Tìm kiếm Dự án bất động sản mới phù hợp để phát triển theo phân khúc trung bình, phù hợp đối tượng khách hàng có nhu cầu thực tế. Tìm kiếm các quỹ đất tiềm năng phục vụ phát triển các sản phẩm bất động sản trong tương lai.
- Thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đam B'ri 1 bằng hình thức nhận chuyển nhượng từ các cổ đông hiện hữu với số tiền là 32,34 tỷ đồng.
- Tiếp tục tìm kiếm các công ty, dự án có quy mô phù hợp với định hướng phát triển của Công ty để đầu tư.
- Chuẩn bị tốt nguồn tài chính tín dụng là một trong các yếu tố chính nhằm đảm bảo tiến độ của Dự án và tạo tính thanh khoản tốt cho Công ty.
- Tìm kiếm thêm các kênh đầu tư sinh lời trong ngắn hạn nhằm tối ưu hóa nguồn tài chính trong thời gian ngắn.
- Tìm kiếm nguồn tài trợ cho các Dự án xúc tiến đầu tư mới với quy mô phù hợp và có chọn lọc.

2.3. Về giải quyết công việc còn tồn đọng:

- Dự án Chung cư Phú Mỹ tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Tiếp tục phối hợp cùng Ban quản trị Nhà chung cư trong công tác bảo hành, bảo trì thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư (*bàn giao công tác quản lý vận hành cho Ban quản trị nhà chung cư từ tháng 03/2023*), liên hệ các ban ngành liên quan xúc tiến thủ tục ra GCN QSHN khách hàng là người nước ngoài.
- Dự án chung cư Osimi Tower: Tiếp tục phối hợp cùng đơn vị tư vấn pháp lý hoàn tất xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất tại Dự án Sông Đà IDC. Hoàn tất nghĩa vụ của Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho Khách hàng

Trên đây là Báo cáo hoạt động Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2024 và định hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của ĐHCĐ thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đặng Tất Thành

TỜ TRÌNH
CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN ANI
“Về các vấn đề cần Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua”

Căn cứ kết quả SXKD năm 2024 và nhiệm vụ SXKD năm 2025, HĐQT xin trình các cổ đông thảo luận, xem xét để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 như sau:

1. Ba nội dung kèm chi tiết trình Đại hội gồm: Báo cáo hoạt động HĐQT; Báo cáo hoạt động BKS; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

2. Phân phối lợi nhuận năm 2024:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	239.992.700.000
II	Lợi nhuận sau thuế năm trước chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước tại Công ty mẹ	Đồng	121.840.365.516
III	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2024	Đồng	206.924.350.547
1	Lợi nhuận Công ty mẹ	Đồng	87.804.738.992
2	Lợi nhuận tại Công ty con	Đồng	247.546.317.063
-	Lợi nhuận tại Công ty CP Ani Power	Đồng	202.900.156.296
-	Lợi nhuận tại Công ty Phú Vinh	Đồng	2.987.054.938
-	Lợi nhuận tại Công ty Phú Cường	Đồng	3.192.054.777
-	Lợi nhuận tại Công ty Sông Ông(6 tháng đầu năm 2024)	Đồng	13.700.958.585
-	Lợi nhuận tại Công ty Đông Hồ Ba Giọt	Đồng	(342.342.739)
-	Lợi nhuận tại Công ty TNHH Sinh Thái Ba Giọt	Đồng	(504.562.400)
-	Điều chỉnh lợi nhuận liên quan đến Công ty Sông Ông	Đồng	24.018.244.750
-	Điều chỉnh lợi nhuận liên quan đến Công ty Năng Lượng Đồng Nai	Đồng	1.594.752.856
3	Loại trừ LN từ giao dịch với Công ty con	Đồng	128.426.705.508
IV	Thuế TNDN năm 2024		1.954.079.393
1	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	1.882.042.263
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty mẹ	Đồng	0
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Ani Power	Đồng	501.146.405
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Sông Ông	Đồng	1.380.895.858
2	Thuế TNDN hoãn lại từ LN hình thành với cty con	Đồng	72.037.130

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền
V	Lợi nhuận sau thuế năm 2024		
1	Lợi nhuận sau thuế tại công ty mẹ	Đồng	87.804.738.992
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		204.970.271.154
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	200.690.055.062
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công không kiểm soát	Đồng	4.280.216.093
VI	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế tại Công ty mẹ	Đồng	11.999.635.000
1	Chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ chi trả 5% trên vốn điều lệ tại mục I	Đồng	11.999.635.000

Hội đồng quản trị đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2024 là 5% bằng tiền mặt, mức chi trả chính thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Mức chi trả thù lao năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Stt	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Hội đồng quản trị	Triệu đồng	168.000	168.000
2	Ban kiểm soát	Triệu đồng	48.000	48.000
	Tổng cộng	Triệu đồng	216.000	216.000

4. Lựa chọn Công ty kiểm toán:

4.1 Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập: Căn cứ đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT công ty trình Đại hội thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO (ASCO)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA VIET NAM)
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc Tế (IAV)
- Các đơn vị khác được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết

4.2 Đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2025:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tr đồng	171.710	601,714
1.1	Kinh doanh điện thương phẩm	Tr đồng	0	557,995
1.2	Cung cấp dịch vụ	Tr đồng	11.235	31,099

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1.3	Hoạt động tài chính	Tr đồng	160.475	12.620
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	144.644	193.672
2.1	Kinh doanh điện thương phẩm	Tr đồng	0	187.164
2.2	Cung cấp dịch vụ cho thuê VP	Tr đồng	1.977	1.977
2.3	Kinh doanh đá	Tr đồng		4.531
2.3	Hoạt động tài chính	Tr đồng	142.667	0
3	Cổ tức	%	10	

6. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 479.985.280.000 VNĐ: theo nội dung Tờ trình số 02/2025/TT-HĐQT ngày 04/04/2025.

7. Để phù hợp với Luật doanh nghiệp, các nghị định hướng dẫn liên quan và thực tế hoạt động, đề nghị ĐHCĐ thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty sau khi tăng vốn.

8. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung như sau:

a. Chủ động điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với diễn biến của thị trường và quy định của pháp luật;

b. Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

c. Quyết định phương án hợp tác, đầu tư xây dựng các dự án, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.

d. Thực hiện các công việc đã được ĐHCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đề ra trong năm 2025 phù hợp với quy định của pháp luật). Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHCĐ.

Đề nghị các cổ đông xem xét, thảo luận cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (qua website);
- Các ủy viên HĐQT;
- 01 bản gốc lưu "Tài liệu ĐHCĐ 2025".

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Tất Thành

TỜ TRÌNH CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN ANI

V/v: Phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ANI.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHẦN ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tên cổ phần phát hành	Cổ phần Công ty Cổ phần ANI
2. Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
4. Loại tiền phát hành	Việt Nam đồng
5. Vốn điều lệ hiện nay	239.992.700.000 đồng
6. Số lượng cổ phần đang lưu hành	23.999.264 cổ phần
7. Số lượng dự kiến phát hành	47.998.528 cổ phần
8. Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá)	479.985.280.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng)
9. Phương thức phát hành	Chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
10. Đối tượng phát hành	Các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm phát hành
11. Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phần
12. Mục đích phát hành	Toàn bộ số tiền thu được dự kiến sẽ phục vụ cho nhu cầu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ xem xét thời điểm đầu tư, điều chỉnh các khoản mục đầu tư phù hợp để sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật
13. Tỷ lệ thực hiện quyền	1:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 1 cổ phần có quyền mua 2 cổ phần)

14. Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	Các cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần, bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
15. Phương án xử lý số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán	Số cổ phần không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó với giá bán thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.
16. Hạn chế chuyển nhượng:	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cho cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phần của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. - Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
17. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
18. Thời gian phát hành dự kiến	Quý III/2025

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phần vào thời điểm thích hợp nhất trong năm 2025. Bao gồm các công việc sau:

- Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký phát hành cổ phần gửi cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp các cơ quan này yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn và ký kết hợp đồng tư vấn nhằm đảm bảo thực hiện thành công đợt phát hành cổ phần;
- Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi tăng Vốn Điều lệ, xin cấp sửa Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến Vốn Điều lệ trong Điều lệ của Công ty và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông vào phiên họp gần nhất.

Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành và chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến thông qua

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Tất Thành

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM ĐỊNH NĂM 2024
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo các quy định của pháp luật, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ANI và quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với các nội dung chính sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

I- Báo cáo tình hình hoạt động của ban kiểm soát:

BKS Công ty trong năm 2024 gồm 03 thành viên, được hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty, cụ thể như sau:

1. Kiểm soát việc ban hành hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty.
2. Thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ban hành quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc (TGD) Công ty, trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Đóng góp ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
4. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng Quý, 06 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình SXKD của đơn vị và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.
5. Tổ chức thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm 2024, Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024, Báo cáo tài chính năm 2024. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành.
6. Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

II-Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm vừa qua BKS đã tổ chức 06 cuộc họp để kiểm soát, đánh giá các hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Cuộc họp ngày 10/04/2024
- Cuộc họp ngày 15/05/2024
- Cuộc họp ngày 28/07/2024
- Cuộc họp ngày 20/08/2024
- Cuộc họp ngày 05/10/2024
- Cuộc họp ngày 18/12/2024

III- Thù lao, chi phí hoạt động của BKS năm 2024:

Stt	Nội dung	Chức danh	Mức chi trả năm 2024
1	Nguyễn Thùy Dương	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000
2	Lê Đức Tâm	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000
3	Lại Thế Hiền	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

I. Về công tác quản lý, điều hành Công ty

1. Các thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
2. Công tác chỉ đạo của HĐQT mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn đồng thời chỉ đạo sát sao trong từng thời kỳ báo cáo. Chỉ đạo điều hành dựa trên Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Pháp luật có liên quan.
3. Những công việc mang tính cấp thiết, HĐQT đã tổ chức những cuộc họp bất thường để ra những nghị quyết kịp thời cho Ban TGD điều hành thực hiện.
4. Các Nghị quyết của HĐQT đều có sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT; Nghị quyết ban hành được tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban TGD điều hành triển khai nghiêm túc và kịp thời.
5. Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đúng theo quy định công bố thông tin: bất thường, quý, năm.
6. Trong năm 2024 trên cơ sở các quy định mới ban hành của Nhà nước liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, Ban điều hành đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định trong lĩnh vực quản lý đầu tư, quản lý tài chính, công tác quản lý kỹ thuật, công tác tổ chức tiền lương.

II. Kết quả thẩm định về Báo cáo tình hình SXKD của Công ty.

BKS nhất trí với các nội dung trong bản báo cáo về kết quả SXKD năm 2024 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ
1	Doanh thu, thu nhập khác	178,558	156,271	88%	549,539	586,502	106%
1.1	Kinh doanh điện thương phẩm	0	0	0	512,453	515,921	
1.2	Cung cấp dịch vụ và khác	24,007	25,910		34,272	33,467	
1.3	Hoạt động tài chính	154,551	130,361		2,814	37,114	
2	Lợi nhuận sau thuế	123,759	87,804	71%	178,542	204,577	112%
3	Cổ tức dự kiến	10%	5%	50%			

- Tại Công ty mẹ: Năm 2024 Công ty mẹ không đạt kế hoạch năm 2024 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024, nguyên nhân là do doanh thu hoạt động

tài chính không đạt kế hoạch đề ra dẫn đến lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Mặt khác, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông từ tháng 07/2024, nên năm 2024 không nhận được cổ tức so với kế hoạch.

- Tại báo cáo hợp nhất: Doanh thu và Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Bên cạnh một số chỉ tiêu kinh tế đã đạt được, BKS cũng đánh giá rất cao những nỗ lực cải tiến trong việc điều hành mà HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện trong năm vừa qua, góp phần tạo ra tình hình và triển vọng tương lai tốt đẹp hơn dành cho Công ty và các cổ đông của công ty. Cụ thể là:

1. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ SXKD mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua, Công ty đã tuyển dụng và đào tạo nhân sự chất lượng cao để phục vụ yêu cầu về công tác đầu tư và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

2. Về công tác SXKD:

- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông với giá trị chuyển nhượng phần vốn góp là 174,097 tỷ đồng vào tháng 07/2024.

- Hoàn tất nhận chuyển nhượng dự án nhà máy thủy điện Pleikeo vào tháng 12/2024 với giá trị là 387,2 tỷ đồng, nhà máy đã đi vào vận hành ổn định và mang lại doanh thu từ tháng 10/2024.

- Công ty cổ phần Năng lượng Đồng Nai đã được UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Dự án Thủy điện Phú Tân 1.

3. Về quan hệ với cổ đông:

- Chi trả cổ tức năm 2024 tỷ lệ 10% bằng tiền mặt.

III. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

Sau khi nhận được báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Công ty; Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cũng như các trình bày tổng thể báo cáo tài chính; Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, xem xét báo cáo kiểm toán, nội dung thư của công ty kiểm toán phát hành.

Dựa vào việc thẩm định của mình, Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Về chế độ kế toán áp dụng tại Công ty: Công ty đã và đang thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hình thức kế toán nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính, đã cập nhật được các chuẩn mực, chế độ kế toán mới ban hành; thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; Phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Việc lập, luân chuyển chứng từ kế toán, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời và đúng mẫu biểu quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát thì báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần ANI tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ

phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.

C. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Công tác đầu tư:

- Tìm kiếm đầu tư các Dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

2. Công tác quản lý và tổ chức sản xuất:

- Dự án thủy điện Phú Tân 2 vận hành ổn định, đạt hiệu quả cao
- Dự án điện mặt trời áp mái vận hành ổn định, đảm bảo giảm lãi suất vay vốn để đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn.
- Dự án Khu dân cư Sông Đà IDC Tower tại quận Gò Vấp, TP HCM: Hoàn tất công tác pháp lý cấp GCN QSHN và bàn giao cho khách hàng;
- Dự án Chung cư Phú Mỹ tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: hoàn tất việc cấp GCN QSHN và bàn giao cho các cá nhân, tổ chức nước ngoài.
- Dự án thủy điện Phú Tân 1 Hoàn tất các thủ tục pháp lý của dự án để đảm bảo tiến độ kịp thời khởi công trong năm 2025

D. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025:

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.
- Ban kiểm soát sẽ tiến hành xem xét bốn đợt Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2025 cũng như các công tác khác trong toàn Công ty.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần ANI năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Nguyễn Thùy Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		601.996.527.827	498.869.268.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.851.426.808	2.641.510.342
1. Tiền	111		3.625.426.808	1.415.510.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.226.000.000	1.226.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		192.010.000.000	64.710.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	192.010.000.000	64.710.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		386.072.714.070	381.292.177.695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	192.295.958.931	263.543.624.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.344.396.402	8.348.517.201
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	-	1.475.482.593
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	199.513.294.330	122.134.705.869
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(14.080.935.593)	(14.210.152.933)
IV. Hàng tồn kho	140		5.451.519.676	22.848.542.130
1. Hàng tồn kho	141	12	5.451.519.676	22.848.542.130
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.610.867.273	27.377.038.276
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	3.650.869.941	3.078.947.157
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.959.997.332	24.298.091.119
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.001.293.891.072	2.759.163.961.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		201.200.000.000	30.567.590.220
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	201.200.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	-	30.567.590.220
II. Tài sản cố định	220		2.544.867.905.934	2.372.568.179.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.538.513.198.441	2.366.213.471.937
- Nguyên giá	222		2.687.983.356.473	2.564.577.029.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.470.158.032)	(198.363.558.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.354.707.493	6.354.707.493
- Nguyên giá	228		6.354.707.493	6.354.707.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	16	82.886.663.675	15.300.171.454
- Nguyên giá	231		97.368.425.829	22.446.293.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.481.762.154)	(7.146.122.210)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		961.181.818	20.868.318
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		18.181.818	18.181.818
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	943.000.000	2.686.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	65.912.929.474
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	-	65.912.929.474
VI. Tài sản dài hạn khác	260		171.378.139.645	274.794.222.842
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	171.378.139.645	168.620.254.575
2. Lợi thế thương mại	269		-	106.173.968.267
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.603.290.418.899	3.258.033.230.181

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. Nợ phải trả	300		2.886.214.721.868	2.634.759.293.112
I. Nợ ngắn hạn	310		751.214.050.278	1.493.730.734.308
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	24.047.655.075	403.623.169.938
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	705.017.354	757.522.841
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	21	4.640.773.899	7.064.388.179
4. Phải trả người lao động	314		905.431.371	1.453.960.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	126.780.078.521	420.550.890.934
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23.a	250.439.414.816	9.912.339.630
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.a	342.303.834.442	648.765.086.869
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.391.844.800	1.603.375.145
II. Nợ dài hạn	330		2.135.000.671.590	1.141.028.558.804
1. Phải trả dài hạn khác	337	23.b	732.415.039	177.062.593.390
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24.b	2.123.566.219.421	963.335.965.414
3. Cổ phiếu ưu đãi	340	25	10.000.000.000	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		702.037.130	630.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		717.075.697.031	623.273.937.069
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	717.075.697.031	623.273.937.069
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	239.992.700.000	239.992.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		239.992.700.000	239.992.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	2.179.502.900	2.179.502.900
3. Cổ phiếu quỹ	415	26	(60.000)	(60.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	9.812.334.641	9.812.334.641
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	432.951.956.635	256.261.165.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	26	232.261.901.574	164.394.531.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26	200.690.055.061	91.866.634.038
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		32.139.262.855	115.028.293.954
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.603.290.418.899	3.258.033.230.181



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hải Yên

Người lập biểu

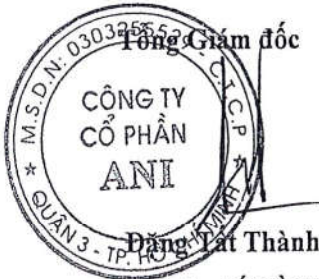
Nguyễn Thị Hải Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	545.488.296.925	384.958.497.013
2. Các khoản giảm trừ	02	28	8.332.297	44.852.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		545.479.964.628	384.913.645.013
4. Giá vốn hàng bán	11	29	210.383.693.330	191.331.276.183
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>335.096.271.298</u>	<u>193.582.368.830</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	37.114.118.256	7.242.267.703
7. Chi phí tài chính	22	31	149.238.642.781	67.866.328.114
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		146.388.918.660	66.003.521.231
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		1.730.711.250	2.187.122.236
9. Chi phí bán hàng	25		11.724.480	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	19.234.823.966	21.107.085.020
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>205.455.909.577</u>	<u>114.038.345.635</u>
12. Thu nhập khác	31	33	2.169.490.011	569.894.986
13. Chi phí khác	32	34	701.049.041	505.889.583
14. Lợi nhuận khác	40		<u>1.468.440.970</u>	<u>64.005.403</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>206.924.350.547</u>	<u>114.102.351.038</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.882.042.263	2.294.734.964
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		72.037.130	213.493.912
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>204.970.271.154</u>	<u>111.594.122.162</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		200.690.055.061	91.866.634.038
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.280.216.093	19.727.488.124
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	8.362	3.828
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	8.362	3.828



Đặng Văn Thành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		206.924.350.547	114.102.351.038
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	02		112.976.406.830	47.347.620.600
- Các khoản dự phòng	03	11	55.378.860	129.217.339
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		700.325.357	1.461.796.555
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40.503.218.726)	(9.494.844.483)
- Chi phí lãi vay	06	31	146.388.918.660	66.003.521.231
- Các khoản điều chỉnh khác	07		94.399.549	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		426.636.561.077	219.549.662.280
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.968.096.012	(39.285.630.524)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.465.264.864	(1.898.703.410)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.775.173.905)	46.464.408.832
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.819.100.131)	(13.637.113.866)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(130.739.326.211)	(50.431.116.804)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	21	(2.632.862.992)	(15.430.917.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		312.103.458.714	145.330.588.906
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.036.706.456.729)	(704.865.712.377)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		63.636.364	65.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(359.557.861.045)	(91.512.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		38.094.082.593	194.810.253.959
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(79.214.014.124)	(174.091.890.370)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		210.172.015.389	640.856.048
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.355.440.075	7.087.253.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.213.793.157.477)	(767.865.784.484)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		30.921.860.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(8.750.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.309.833.038.381	1.684.628.892.839
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.402.478.435.152)	(1.035.590.794.148)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.626.848.000)	(28.106.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		903.899.615.229	620.932.098.691
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.209.916.466	(1.603.096.887)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	5	2.641.510.342	4.244.607.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	5	4.851.426.808	2.641.510.342



Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Hải Yến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.080.050.775	204.189.006.291
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		165.346.429	144.535.583
1. Tiền	111	5	165.346.429	144.535.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.010.000.000	54.710.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	160.010.000.000	54.710.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.162.331.418	123.163.740.209
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	35.682.940.346	106.747.129.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.074.688.722	4.551.583.222
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	31.006.520.384	2.270.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	70.479.117.559	23.675.963.069
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(14.080.935.593)	(14.080.935.593)
IV. Hàng tồn kho	140		882.807.652	19.345.445.158
1. Hàng tồn kho	141	12	882.807.652	19.345.445.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.859.565.276	6.825.285.341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	145.813.165	61.785.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.713.752.111	6.763.499.996
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		877.802.834.829	1.014.692.874.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	30.567.590.220
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	-	30.567.590.220
II. Tài sản cố định	220		24.126.714.811	100.259.022.134
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	17.772.007.318	93.904.314.641
- Nguyên giá	222		31.695.349.250	107.284.723.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.923.341.932)	(13.380.409.211)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.354.707.493	6.354.707.493
- Nguyên giá	228		6.354.707.493	6.354.707.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	16	82.886.663.675	15.300.171.454
- Nguyên giá	231		97.368.425.829	22.446.293.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.481.762.154)	(7.146.122.210)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.181.818	18.181.818
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		18.181.818	18.181.818
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	759.646.425.131	857.330.510.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		763.156.610.780	860.480.510.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.510.185.649)	(3.150.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.124.849.394	11.217.398.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	11.124.849.394	11.217.398.812
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.171.882.885.604	1.218.881.880.729

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		710.253.303.555	821.057.773.672
I. Nợ ngắn hạn	310		580.963.723.154	643.995.180.282
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	6.999.821.362	13.300.066.476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.888.001	53.111.783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.261.252.223	1.265.507.838
4. Phải trả người lao động	314		727.431.756	1.339.568.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	48.424.508.131	40.230.835.286
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	245.339.364.455	4.477.159.158
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	276.742.612.426	581.937.086.869
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.391.844.800	1.391.844.800
II. Nợ dài hạn	330		129.289.580.401	177.062.593.390
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	732.415.039	177.062.593.390
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	128.557.165.362	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		461.629.582.049	397.824.107.057
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	461.629.582.049	397.824.107.057
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	239.992.700.000	239.992.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		239.992.700.000	239.992.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.179.502.900	2.179.502.900
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(60.000)	(60.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	9.812.334.641	9.812.334.641
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	209.645.104.508	145.839.629.516
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	23	121.840.365.516	155.831.914.492
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	23	87.804.738.992	(9.992.284.976)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.171.882.885.604	1.218.881.880.729



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập biểu

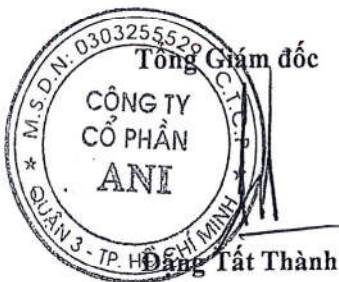
Nguyễn Thị Hải Yến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	25.340.644.965	126.592.341.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	44.852.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		25.340.644.965	126.547.489.878
4. Giá vốn hàng bán	11	26	28.607.866.643	114.650.976.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>(3.267.221.678)</u>	<u>11.896.513.525</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	130.361.348.104	26.263.843.773
7. Chi phí tài chính	22	28	27.724.990.615	37.259.481.307
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.150.415.882	36.167.222.774
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	12.134.201.529	11.190.616.418
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>87.234.934.282</u>	<u>(10.289.740.427)</u>
11. Thu nhập khác	31	30	569.804.711	501.900.440
12. Chi phí khác	32		1	204.444.989
13. Lợi nhuận khác	40		<u>569.804.710</u>	<u>297.455.451</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>87.804.738.992</u>	<u>(9.992.284.976)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>87.804.738.992</u>	<u>(9.992.284.976)</u>



Tổng Giám đốc

Đặng Tất Thành

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		87.804.738.992	(9.992.284.976)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14,15,16	8.969.481.756	4.838.513.251
- Các khoản dự phòng	03		360.185.649	(662.751.795)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27,30	(130.868.489.857)	(24.909.843.773)
- Chi phí lãi vay	06	28	27.150.415.882	36.167.222.774
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.583.667.578)	5.440.855.481
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.979.175.682	(10.156.063.026)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.193.406.259	890.452.565
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.883.830.444)	41.314.673.426
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(208.241.766)	(11.031.385.935)
- Tiền lãi vay đã trả	14	20,21,28	(13.014.778.505)	(22.188.453.511)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(15.430.917.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>20.482.063.648</u>	<u>(11.160.838.602)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(5.767.712.272)	(13.582.259.624)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		63.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6,9	(412.590.241.331)	(30.532.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	278.553.720.947	122.327.736.552
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(79.219.864.260)	(174.097.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		210.185.500.000	646.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,27	124.863.203.182	26.338.116.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>116.088.242.630</u>	<u>(68.899.406.205)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	21	30.551.860.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	22	1.184.783.116.854	1.095.097.161.703
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(1.328.309.824.286)	(1.015.763.794.148)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21,23	(23.574.648.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(136.549.495.432)</u>	<u>79.333.367.555</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>20.810.846</u>	<u>(726.877.252)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	144.535.583	871.412.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>165.346.429</u>	<u>144.535.583</u>



Đặng Văn Thành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hải Yến

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến